

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP.HCM
MST: 0312660770

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2025



MỤC LỤC

	Trang
❑ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025	1 - 3
❑ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2025	4
❑ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 năm 2025	5
❑ Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025	6 - 14



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		169,987,469,595	230,200,959,843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(1)	24,633,640,697	1,894,855,971
1. Tiền	111		6,633,640,697	1,894,855,971
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(2)	104,000,000,000	190,500,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		104,000,000,000	190,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(3)	39,307,276,687	35,994,882,272
1. Trả trước cho người bán	132		-	-
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		35,112,319,760	30,898,001,585
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		4,194,956,927	5,096,880,687
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,046,552,211	1,811,221,600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4)	2,046,552,211	1,811,221,600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		2,839,733,476	4,301,397,603
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,000,000	13,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	218	(5)	13,000,000	13,000,000
II. Tài sản cố định	220	(7)	2,308,826,549	3,652,988,735
1. TSCĐ hữu hình	221		512,650,840	703,480,256
- Nguyên giá	222		3,319,879,743	3,188,206,143
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,807,228,903)	(2,484,725,887)
2. TSCĐ vô hình	227		1,796,175,709	2,949,508,479
- Nguyên giá	228		10,239,320,684	10,239,320,684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,443,144,975)	(7,289,812,205)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		517,906,927	635,408,868
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(6)	169,461,357	391,629,745
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		348,445,570	243,779,123
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		172,827,203,071	234,502,357,446

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18,098,296,300	14,434,287,748
I. Nợ ngắn hạn	310		16,650,741,667	13,131,373,242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	44,572,000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(8)	9,677,245,822	7,114,159,036
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	(9)	6,897,111,050	5,510,878,111
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	(10)	76,384,795	461,764,095
II. Nợ dài hạn	330		1,447,554,633	1,302,914,506
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(11)	1,447,554,633	1,302,914,506
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	(12)	154,728,906,771	220,068,069,698
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		154,728,906,771	220,068,069,698
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27,500,000,000	27,500,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,500,000,000	2,500,000,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		124,728,906,771	190,068,069,698
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		172,827,203,071	234,502,357,446

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết Minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	(13)	119,997,811,431	114,449,420,046
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		119,997,811,431	114,449,420,046
2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	(14)	64,110,963,557,416	55,195,508,323,649
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		64,110,963,557,416	55,195,508,323,649
3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	(15)	25,709,939,068	4,023,450,000
4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	(16)	55,622,884,246	30,753,445,998

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2025		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Doanh thu	01		41,215,223,529	35,790,903,676	153,660,228,284	138,712,161,354
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(17)	41,215,223,529	35,790,903,676	153,660,228,284	138,712,161,354
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	2,633,742,902	2,421,270,857	9,075,188,281	8,845,743,213
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(19)	(11,333,879,505)	(9,942,370,171)	(44,170,708,428)	(39,016,146,451)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32,515,086,926	28,269,804,362	118,564,708,137	108,541,758,116
Thu nhập khác	31		-	-	8,539,400	51,870,160
Chi phí khác	32		(9,592,248)	-	(9,592,249)	(280,827)
Lợi nhuận khác (40=31+32)	40		(9,592,248)	-	(1,052,849)	51,589,333
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,505,494,678	28,269,804,362	118,563,655,288	108,593,347,449
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(20.1)	(6,586,935,689)	(4,603,918,654)	(24,007,484,662)	(21,827,024,416)
Thuế TNDN hoãn lại	52		(108,777,805)	(1,080,968,312)	104,666,447	(126,354,430)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)	60		25,809,781,184	22,584,917,396	94,660,837,073	86,639,968,603

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	I		
Lợi nhuận trước thuế	01	118,563,655,288	108,593,347,449
Điều chỉnh:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,475,835,786	1,499,393,163
Các khoản dự phòng	03	145,000,000	145,000,000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9,075,188,281)	(8,845,743,213)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		111,109,302,793	101,391,997,399
(Tăng)/tăng các khoản phải thu	09	(4,070,580,720)	(2,790,489,947)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	952,823,946	(246,251,900)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(13,162,223)	260,943,510
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21,441,300,056)	(20,595,073,681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86,537,083,740	78,021,125,381
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	II		
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(131,673,600)	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	-	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(153,000,000,000)	(210,500,000,000)
Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng	24	239,500,000,000	126,000,000,000
Lãi tiền gửi thu được	27	9,833,374,586	8,500,192,517
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	30	96,201,700,986	(75,999,807,483)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	III		
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(160,000,000,000)	(50,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(160,000,000,000)	(50,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	22,738,784,726	(47,978,682,102)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,894,855,971	49,873,538,073
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24,633,640,697	1,894,855,971

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



Tổng Giám Đốc

Trần Châu Danh

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hình thức sở hữu vốn

Vốn trong nước

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 01 năm 2023.

Trụ sở chính: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thời gian hoạt động: 50 năm.

Chủ sở hữu: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

4. Tổng số công nhân viên

Đến thời điểm 31/12/2025: tổng số công nhân viên là 20 người.

II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

4. Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền gửi ngân hàng	6,633,640,697 (1)	1,894,855,971
Các khoản tương đương tiền	18,000,000,000 (2)	-
	<u>24,633,640,697</u>	<u>1,894,855,971</u>

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	6,505,361,728
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	128,278,969

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm 4.75% năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi tại các ngân hàng	104,000,000,000 (1)	190,500,000,000
	<u>104,000,000,000</u>	<u>190,500,000,000</u>

(1) Trong đó:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng VNĐ có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm với mức lãi suất từ 5.2% đến 6.6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN	34,927,199,190	30,753,445,998
Phải thu phí quản lý danh mục từ Quỹ “DFVN – CAF” và “DFVN – FIX”	185,120,570	144,555,587
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	4,151,386,313	4,909,572,618
Phải thu ngắn hạn khác	43,570,614 (1)	187,308,069
	39,307,276,687	35,994,882,272

(1) Trong đó:

- Khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá 3 tháng: 43,570,614

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu kỳ	1,811,221,600	1,804,597,682
Tăng trong kỳ	7,142,143,295	6,510,956,774
Phân bổ trong kỳ	(6,906,812,684)	(6,504,332,856)
Số dư cuối kỳ	2,046,552,211	1,811,221,600

5. Các khoản phải thu dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu dài hạn khác	13,000,000	13,000,000
Cộng	13,000,000	13,000,000

6. Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu kỳ	391,629,745	659,197,173
Tăng trong kỳ	134,201,960	168,038,700
Phân bổ trong kỳ	(356,370,348)	(435,606,128)
Số dư cuối kỳ	169,461,357	391,629,745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Tổng cộng
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			
1. Số dư đầu kỳ	3,188,206,143	10,239,320,684	13,427,526,827
2. Số tăng trong kỳ	131,673,600	-	131,673,600
3. Số dư cuối kỳ	3,319,879,743	10,239,320,684	13,559,200,427
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN			
1. Số đầu kỳ	2,484,725,887	7,289,812,205	9,774,538,092
2. Tăng trong kỳ	322,503,016	1,153,332,770	1,475,835,786
3. Số cuối kỳ	2,807,228,903	8,443,144,975	11,250,373,878
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Số đầu kỳ	703,480,256	2,949,508,479	3,652,988,735
2. Số cuối kỳ	512,650,840	1,796,175,709	2,308,826,549

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,827,024,416	24,007,484,662	(21,441,300,056)	9,393,209,022
Thuế thu nhập cá nhân	287,134,620	4,966,091,424	(4,969,189,244)	284,036,800
Các khoản phí, lệ phí, phí khác	-	307,255,674	(307,255,674)	-
	7,114,159,036	29,280,831,760	(26,717,744,974)	9,677,245,822

9. Chi phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí khác	1,579,212,220	712,058,111
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	5,317,898,830	4,798,820,000
	6,897,111,050	5,510,878,111

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHTN, BHYT	-	258,647,780
Các khoản phải trả khác	76,384,795	203,116,315
	76,384,795	461,764,095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số dư đầu năm	1,302,914,506	1,158,623,222
Trích lập dự phòng trong năm	145,000,000	145,000,000
Chi bồi thường cho nhà đầu tư	(359,873)	(708,716)
	1,447,554,633	1,302,914,506

12. Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	27,500,000,000	-	-	27,500,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	(160,000,000,000)	(160,000,000,000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	190,068,069,698	94,660,837,073	-	284,728,906,771
Tổng Cộng	220,068,069,698	94,660,837,073	(160,000,000,000)	154,728,906,771

(*) Tổng số vốn đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 là 27,500,000,000 đồng (hai mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng).

(**) Hội đồng Thành viên Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với tổng số tiền là 80,000,000,000 VND cho Chủ sở hữu. Ngày thực hiện phân phối lợi nhuận là 14 tháng 02 năm 2025.

Trong năm 2025, Hội đồng Thành viên Công ty tiếp tục quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 với tổng số tiền 80,000,000,000 VND cho Chủ sở hữu. Ngày thực hiện phân phối là ngày 29 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam bao gồm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	113,303,262,531	70,467,269,828
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	3,353,892,434	3,299,308,896
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí		
Tiền gửi ngân hàng	28,517,122	47,375,077
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	<u>3,312,139,344</u>	<u>40,635,466,245</u>
	<u>119,997,811,431</u>	<u>114,449,420,046</u>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam bao gồm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường	Số lượng	Giá gốc	Giá thị trường		
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị								
Chứng khoán vốn	121,156,559	4,084,475,926,166	4,631,076,979,000	75,931,332	2,771,803,899,943	2,977,618,400,500		
Chứng khoán nợ	370,080	116,692,864,800	123,413,020,000	370,000	36,692,864,800	46,287,970,000		
Tiền gửi có kỳ hạn		1,038,200,000,000	1,038,200,000,000		1,152,900,000,000	1,152,900,000,000		
Quỹ sản phẩm bảo hiểm liên kết chung								
Chứng khoán nợ	175,992,950	34,925,850,714,166	35,764,846,662,910	175,971,620	30,698,207,506,622	33,189,069,404,310		
Tiền gửi có kỳ hạn		3,864,900,000,000	3,864,900,000,000		2,675,200,000,000	2,675,200,000,000		
Quỹ sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện								
Chứng khoán nợ	1,150,000	116,627,350,000	129,521,450,000	1,150,000	116,627,350,000	138,539,850,000		
Tiền gửi có kỳ hạn		122,700,000,000	122,700,000,000		109,760,000,000	109,760,000,000		
Quỹ sản phẩm bảo hiểm truyền thống								
Chứng khoán nợ	109,024,173	14,562,316,702,284	15,912,201,967,650	109,020,213	14,427,316,702,284	16,855,114,340,732		
Tiền gửi có kỳ hạn		5,279,200,000,000	5,279,200,000,000		3,207,000,000,000	3,207,000,000,000		
Tổng cộng		64,110,963,557,416	66,866,060,079,560		55,195,508,323,649	60,351,489,965,542		

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phải thu cổ tức	181,500,000	4,023,450,000
Phải thu bán cổ phiếu	25,528,439,068	-
	25,709,939,068	4,023,450,000

16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFCN	34,927,199,190	30,753,445,998
Phải trả mua cổ phiếu	20,695,685,056	-
	55,622,884,246	30,753,445,998

17. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	151,763,891,315	136,941,545,311
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	1,896,336,969	1,746,556,350
Doanh thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ mở	-	24,059,693
	153,660,228,284	138,712,161,354

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi tiền gửi	9,075,188,281	8,845,743,213
	9,075,188,281	8,845,743,213

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lương và các chi phí theo lương	29,275,737,677	25,367,800,556
Công cụ dụng cụ & thiết bị	5,050,771,241	4,519,130,619
Chi phí công tác	475,151,045	622,370,315
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	7,643,403,879	6,836,951,798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,475,835,786	1,499,393,163
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145,000,000	145,000,000
Thuế và phí khác	104,808,800	25,500,000
	44,170,708,428	39,016,146,451

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24,007,484,662	21,827,024,416

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh

